

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới,
nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp
xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới**

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW) và Kế hoạch số 19-KH/TW, ngày 27/11/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 19-KH/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Tổ chức quán triệt, nghiên cứu, học tập, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, nhất là người đứng đầu về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền, giám sát của các cơ quan dân cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; động viên sự tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp; khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường; phát huy truyền thống tương thân tương ái, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Chương trình hành động phải bám sát các quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW gắn

với thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, các kết luận, nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình, đề án để thực hiện đầy đủ, toàn diện và đồng bộ các nội dung của Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW; thường xuyên bổ sung, cập nhật những chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp mới, hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đề ra; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách xã hội bảo đảm tiến bộ, bền vững, công bằng; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững. Phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, bền vững gắn liền với bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tốt phương châm 3 an (*an sinh, an ninh, an toàn*), nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; giảm khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, miền núi, bảo đảm mọi người dân đều được hưởng thành quả của sự phát triển.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt khoảng 76%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 35% - 40%.

- Trên 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội; 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.

- 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định.

- 100% người có hoàn cảnh khó khăn được đảm bảo mức sống tối thiểu.

- 100% hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo được hưởng trợ cấp xã hội.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở đạt trên 99,9%, cấp trung học phổ thông và tương đương đạt 98%; tiếp tục duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Duy trì mức sinh thay thế của quốc gia; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75 tuổi; số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) > 0,7; đạt 35 giường bệnh viện; 15 bác sĩ; 3,4 dược sĩ; 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95%; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 99% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và duy trì thành quả loại trừ sốt rét.

- Xây dựng được ít nhất 3.000 căn nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp, khu kinh tế; xóa bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 35m² sàn/người; 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt; 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

- Trên 75% người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh và 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hoá, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Tham gia xây dựng và thực hiện hiệu quả hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người Lạng Sơn đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu và Nhân dân về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới. Khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững; dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể; phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, truyền thống, bản sắc văn hóa con người xứ Lạng, tạo động lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước.

Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; kịp thời khen thưởng, biểu dương, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính

sách xã hội, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến; phê bình những hạn chế, yếu kém, vi phạm trong quá trình thực hiện chính sách xã hội.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

Thường xuyên nghiên cứu, rà soát, tham mưu xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách xã hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp từng giai đoạn phát triển của đất nước, tình hình thực tiễn của tỉnh. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phân cấp, phân quyền, cụ thể hóa trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội. Chú trọng quan tâm kiện toàn, bố trí, sắp xếp, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xã hội từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

Hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách xã hội. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, khai thác và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

Đổi mới và thực hiện tốt cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế; tăng cường xã hội hóa, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội. Bố trí nguồn lực tương xứng để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Chương trình hành động này.

Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, bảo đảm các quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chính sách xã hội được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Tiếp tục phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” để chăm sóc tốt hơn cho người có công. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công, nhất là người ở vùng biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người gặp khó khăn trong cuộc sống. Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung thêm các chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giáo dục - đào

tạo, việc làm, sản xuất và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, huy động mọi nguồn lực phấn đấu bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công gặp khó khăn về nhà ở được hỗ trợ và có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Tập trung rà soát, giải quyết, phấn đấu hoàn thành cơ bản những tồn đọng trong thực hiện chính sách ưu đãi người có công, nhất là tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; tiếp tục ưu tiên bố trí kinh phí xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỉ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh và nhóm dân cư. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và đất nước.

Tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa, đa dạng hóa phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; sắp xếp, đổi mới cơ sở giáo dục đại học; đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại cho lực lượng lao động các ngành nghề phù hợp, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và xu hướng hội nhập quốc tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề kết hợp với dạy văn hóa, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, tăng cường gắn kết giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo gắn với thực tiễn và nhu cầu của doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Phấn đấu xây dựng, phát triển Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn trở thành trường chất lượng cao vào năm 2030.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản trị công nghệ, quản trị doanh nghiệp. Đổi mới chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài phục vụ cho đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ.

Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tham gia xây dựng, đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động. Nâng cao chất lượng hoạt động các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Tích cực xây dựng và củng cố quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Hiện đại hóa, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm.

Tăng cường tạo việc làm cho người lao động gắn với mục tiêu phát triển bền vững nhằm cải thiện điều kiện lao động, giảm gánh nặng lao động, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hóa dân số. Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động mất việc làm, thiếu việc làm.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội, người dân và giữa các nhóm dân cư, bảo đảm bền vững và công bằng xã hội. Quan tâm phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, tiến tới bao phủ toàn bộ lực lượng lao động; thực hiện cải cách, mở rộng chính sách bảo hiểm xã hội, đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật; nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ cho các đối tượng lao động khu vực phi chính thức, nông dân, người nghèo, người có thu nhập thấp tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế góp phần chăm sóc sức khỏe Nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế gắn với mức độ hài lòng của người tham gia; tăng cường công tác quản lý Quỹ bảo hiểm xã hội, Quỹ bảo hiểm y tế bảo đảm an toàn, hiệu quả; nghiên cứu, tham mưu đề xuất sửa đổi chính sách bảo hiểm xã hội một lần phù hợp với thực tiễn, gắn với an sinh xã hội. Đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp trong nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động để duy trì việc làm bền vững, chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp; nâng cao

hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề cho người lao động thất nghiệp.

Kiến toàn, hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội từ tỉnh đến cơ sở theo hướng quan tâm, giúp đỡ người dân kịp thời khắc phục khó khăn về vật chất và tinh thần do tác động của thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác; ưu tiên, hỗ trợ người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Từng bước phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; điều chỉnh nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu; xây dựng, kiện toàn đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững. Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

6.1. Về giáo dục

Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hóa mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, khu công nghiệp, khu đông dân cư. Phấn đấu nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa trong quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hóa góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo.

Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp trong nhà trường, tạo chuyển biến tích cực trong công tác phân luồng học sinh trung học; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, tập trung đào tạo các ngành nghề phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng cơ sở dữ liệu về nghề nghiệp, cung cấp thông tin về thị trường lao động và dự báo nhu cầu việc làm cho học sinh phổ thông.

6.2. Về y tế

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hội nhập, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân; quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, đặc biệt ở vùng cao, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nâng cao tầm vóc, thể lực người Lạng Sơn; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, bảo hiểm y tế.

6.3. Về phát triển văn hóa

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các di sản văn hóa của đồng bào các dân tộc trong tỉnh; đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động văn hóa, gắn việc khai thác các giá trị văn hóa với quảng bá hình ảnh và xúc tiến du lịch, đưa sản phẩm văn hóa trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, nhất là ở vùng nông thôn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới; triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

6.4. Về thông tin

Triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin và các chính sách, pháp luật khác có liên quan theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được bảo đảm an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, thông tin đối ngoại, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin tuyên truyền tại các cửa khẩu, khu vực biên giới, miền núi.

6.5. Về nhà ở

Nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị, nhất là chính quyền địa phương trong thực hiện chủ trương của Đảng và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 nhằm bảo đảm người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Nghiên cứu, đề xuất, bổ sung để hoàn thiện chính sách, pháp luật về nhà ở xã hội; phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà lưu trú, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh

viên. Nhà nước có chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội cho một số đối tượng khó khăn; chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ cho hộ nghèo khu vực nông thôn cải thiện nhà ở từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách hỗ trợ khác; nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội, hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách xã hội.

6.6. Về nước sạch, vệ sinh môi trường

Bảo đảm nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn và nhà tiêu hợp vệ sinh cho người dân, nhất là người dân nông thôn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đảm bảo nguồn nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác. Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; từng bước đầu tư, cải tạo, nâng cấp khu xử lý rác thải tại các huyện, thành phố; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải tại các khu công nghiệp, đô thị, khu vực nông thôn, miền núi.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Từng bước thực hiện hiệu quả việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thúc đẩy hợp tác với đối tác nước ngoài; huy động và sử dụng hợp pháp, hiệu quả nguồn vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế hỗ trợ cho chính sách xã hội. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Nghiên cứu, rà soát, tham mưu đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, tiêu chuẩn nghề nghiệp tương thích và cạnh tranh quốc tế. Khuyến

khích, tích cực vận động các nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường xuyên biên giới.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội.

Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội, trên cơ sở đó đề nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và các tổ chức xã hội quần chúng được giao nhiệm vụ thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt nghiêm túc Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tạo chuyển biến về nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới; xây dựng kế hoạch để thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, ban hành cơ chế, chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện có hiệu quả; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả tổ chức thực hiện.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh chú trọng, thường xuyên phổ biến các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước về chính sách xã hội, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tích cực thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

6. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và tham mưu báo cáo Trung ương theo quy định. *Khang*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Ban cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
- Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng tỉnh,
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Quốc Đoàn